

## CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- ✓ Công ty đang trong giai đoạn mở rộng quy mô, đầu tư, xây dựng do đó nhu cầu tài chính tăng cao. Phòng Tài chính Kế toán đã làm tốt nhiệm vụ quản lý vốn, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính phù hợp đáp ứng kịp thời cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Ngày 15/09/2017, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 187.805.970.000 đồng.
- ✓ Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi. Đảm bảo tối đa việc chi lương và các chế độ phụ cấp cho cán bộ công nhân viên đúng hạn.
- ✓ Quản lý tốt hàng tồn kho làm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của Công ty.
- ✓ Hoàn thành báo cáo tài chính quý đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- ✓ Đảm bảo tiến trình thanh khoản hợp đồng nhập khẩu đúng thời hạn theo quy định của Hải Quan.
- ✓ Phối hợp cùng kiểm toán viên – Công ty kiểm toán AASCN thực hiện công tác kiểm kê tài sản, vật tư, bao bì, nguyên liệu, thành phẩm và tiền quỹ của Công ty định kỳ theo quy định.



## CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- ✓ Đầu tư xây dựng và cải tạo nhà máy,... với tổng trị giá gần 6,6 tỷ đồng.
- ✓ Hoàn thành công tác đầu tư sáp nhập các Nhà máy, thực hiện chuyển giao các Đơn vị thành viên quản lý vận hành.

## CÔNG TÁC AN NINH, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY (PCCC)

- ✓ Thực hiện đúng kỳ hạn công tác báo cáo đánh giá tác động môi trường về chất thải gây hại và hoạt động giám sát thực hiện.
- ✓ Xây dựng kế hoạch phòng cháy chữa cháy định kỳ hàng tháng. Tham gia đầy đủ các lớp đào tạo về nghiệp vụ, diễn tập, tuyên truyền, hướng dẫn về công tác PCCC tại nhà máy. Kiểm tra thường xuyên công cụ, dụng cụ PCCC theo định kỳ quy định, trực ban ghi sổ theo dõi hàng ngày.
- ✓ Thực hiện thường xuyên các công tác về y tế, nhà ăn, bảo vệ an ninh trật tự tại Công ty.



## CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ✓ Tập huấn An toàn vệ sinh thực phẩm cho tất cả cán bộ công nhân viên.
- ✓ Tham gia khóa học ngắn hạn về cập nhật kiến thức thuế, xuất nhập khẩu, tiền lương, BHXH, tiêu chuẩn BSCI.
- ✓ Tham gia khóa đào tạo về HACCP, tiêu chuẩn HALA.



## CÔNG TÁC NHÂN SỰ, LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH CHẾ ĐỘ

- ✓ Triển khai hợp tác với nguồn cung ứng lao động và tổ chức xe đưa đón công nhân tuyến Tây Ninh, Long An - Củ Chi nhằm cung cấp cho nhà máy lực lượng lao động từ 120-150 người.
- ✓ Tìm kiếm thêm nhà cung ứng lao động, cung cấp được lao động công khoán cho nhà máy.
- ✓ Theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 thì mức lương tối thiểu vùng I được Nhà nước điều chỉnh tăng từ 3.500.000đ lên 3.750.000đ (tăng 7.1%) có hiệu lực từ 01/01/2017, làm tăng chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN.
- ✓ Trước tình hình kinh tế khó khăn, lực lượng lao động chưa đáp ứng đủ, Công ty cũng đã cố gắng thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, thể hiện sự quan tâm cao nhất đến lợi ích của người lao động để CB-CNV yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- ✓ Những chính sách chế độ công ty đã thực hiện như sau:
  - ✓ Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trợ cấp ốm đau, thai sản đầy đủ đúng quy định.
  - ✓ Đảm bảo giải quyết đầy đủ tiền lương và các khoản thu nhập khác (thưởng ngày lễ, tết... với mức cao hơn quy định trong Thỏa ước LĐT).
  - ✓ Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
  - ✓ Tổ chức đi nghỉ mát tại Đà Lạt cho cán bộ, công nhân Nhà máy và các chương trình giao lưu văn nghệ mừng các dịp lễ lớn.
  - ✓ Tổ chức bữa ăn cho CB-CNV luôn đảm bảo “Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm”.





## Kế hoạch phát triển trong tương lai

### VỀ CÁC CHỈ TIÊU SXKD

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.023.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.000
3	Cổ tức	%/năm	10%

### MỘT SỐ CÔNG TÁC CHỦ YẾU VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### Công tác tổ chức, điều hành

- ✓ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp từ thái độ, tác phong làm việc, chấp hành các quy chế, quy định, chính sách, nội quy Công ty đến văn hoá giao tiếp, ứng xử.
- ✓ Triển khai mô hình hoạt động theo định hướng quản trị tổng thể của Công ty. Xây dựng quy trình hoạt động, quy chế quản lý thống nhất trong toàn Công ty, giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết.
- ✓ KIỆN TOÀN BỘ MÁY NHÂN SỰ, tuyển dụng theo sơ đồ tổ chức và lưu đồ hoạt động của Công ty phù hợp định hướng phát triển theo từng thời điểm. Xây dựng đội ngũ kế thừa đảm bảo luôn có nhân sự sẵn sàng bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo của Công ty và các Công ty con.
- ✓ Tổ chức xây dựng và triển khai Chương trình KPIs cho từng Đơn vị thành viên, lập mục tiêu cụ thể (KPIs) của từng phòng ban/bộ phận, đánh giá sự phối hợp mức độ hoàn thành, theo dõi tiến độ thực hiện công việc được giao theo deadline hoàn thành.
- ✓ Tổ chức triển khai Nghị quyết 2018, giao ngân sách và kế hoạch hoạt động năm tài chính 2018 cho từng Đơn vị thành viên để đảm bảo hoàn thành Nghị quyết chung của Khối.
- ✓ Tổ chức Chương trình đánh giá năng lực cán bộ nhân viên định kỳ, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ, công nhân, nhân viên toàn Khối Nông nghiệp.
- ✓ Tăng cường công tác cập nhật các cơ chế, chính sách tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các chế độ chính sách mới ban hành và sửa đổi bổ sung cho phù hợp.
- ✓ Xây dựng quy định khen thưởng – kỷ luật cá nhân, đơn vị theo mức độ hoàn thành kế hoạch mục tiêu (KPI).
- ✓ Điều chỉnh thu nhập định kỳ theo chính sách lương 3P cho cán bộ, nhân viên.

## Công tác kinh doanh

- ✓ Triển khai mục tiêu doanh số của từng thành viên trong đội ngũ bán hàng. Mục tiêu được đánh giá định kỳ hàng tháng theo kế hoạch chi tiết của từng Đơn vị thành viên thuộc Khối Nông nghiệp.
- ✓ Áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc khách hàng.
- ✓ Gửi thông tin thường xuyên đến khách hàng; Cập nhật thông tin thường xuyên lên website.
- ✓ Chú trọng công tác triển khai các kênh bán hàng, mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác mới tại các thị trường Công ty đã xây dựng được uy tín, thương hiệu.
- ✓ Phát triển Nhà phân phối, đối tác chiến lược tại các nước trọng điểm như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Châu Âu, Mỹ. Tập trung phát triển thị trường mới, tiềm năng trong tương lai gần, thị trường Trung Quốc, Trung Đông.
- ✓ Đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng công tác thị trường, quảng bá thương hiệu.
- ✓ Xây dựng và triển khai Chương trình chăm sóc khách hàng;
- ✓ Tham gia Hội chợ quốc tế.
- ✓ Linh hoạt các phương án kinh doanh, chính sách bán hàng phù hợp theo thời vụ.
- ✓ Phát triển sản phẩm chủ lực hàng GTGT, phân phối vào hệ thống siêu thị nước ngoài làm nền tảng và giá trị bền vững theo định hướng phát triển của Công ty.
- ✓ Hoàn thiện chính sách thưởng phạt theo kết quả kinh doanh, kích thích bán hàng;
- ✓ Xây dựng chương trình kỹ năng bán hàng, kỹ năng sales nhằm chủ động chào hàng liên tục.

## Công tác tài chính – kế toán

- ✓ Triển khai kiểm soát chi phí thông qua việc xây dựng kế hoạch quản lý chi phí cụ thể của từng bộ phận, phòng ban cụ thể:
- ✓ Lập kế hoạch dòng tiền, tập trung nguồn tài chính đáp ứng đầy đủ kịp thời việc thu chi 100% đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tăng cường công tác giám sát, quản trị tài chính. Quản lý tốt công nợ, hàng tồn kho. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của Công ty.
- ✓ Thực hành tiết kiệm trong chi phí, cân đối các khoản phí giao dịch ngân hàng, phí chứng từ, lãi vay...nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- ✓ Thống kê, đánh giá thường xuyên thực trạng tình hình tài chính ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tham mưu cho Ban lãnh đạo quyết định các chiến lược, phương án kinh doanh nhanh chóng, hợp lý.
- ✓ Lập báo cáo tài chính định kỳ quý năm kịp thời, công khai minh bạch nhằm giúp các nhà đầu tư nắm bắt được các thông tin chính xác, đồng thời đảm bảo thực hiện đúng theo quy định hoạt động của công ty đại chúng.

### Công tác kinh doanh

- ✓ Triển khai mục tiêu doanh số của từng thành viên trong đội ngũ bán hàng. Mục tiêu được đánh giá định kỳ hàng tháng theo kế hoạch chi tiết của từng Đơn vị thành viên thuộc Khối Nông nghiệp.
- ✓ Áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc khách hàng.
- ✓ Gửi thông tin thường xuyên đến khách hàng; Cập nhật thông tin thường xuyên lên website.
- ✓ Chú trọng công tác triển khai các kênh bán hàng, mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác mới tại các thị trường Công ty đã xây dựng được uy tín, thương hiệu.
- ✓ Phát triển Nhà phân phối, đối tác chiến lược tại các nước trọng điểm như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Châu Âu, Mỹ. Tập trung phát triển thị trường mới, tiềm năng trong tương lai gần, thị trường Trung Quốc, Trung Đông.
- ✓ Đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng công tác thị trường, quảng bá thương hiệu.
- ✓ Xây dựng và triển khai Chương trình chăm sóc khách hàng;
- ✓ Tham gia Hội chợ quốc tế.
- ✓ Linh hoạt các phương án kinh doanh, chính sách bán hàng phù hợp theo thời vụ.
- ✓ Phát triển sản phẩm chủ lực hàng GTGT, phân phối vào hệ thống siêu thị nước ngoài làm nền tảng và giá trị bền vững theo định hướng phát triển của Công ty.
- ✓ Thực hiện các khóa đào tạo kỹ năng cho Sales: Kỹ năng thương lượng đàm phán; Xây dựng chi tiêu, bám sát thực tế và chuyển giao sales thực thi.
- ✓ Hoàn thiện chính sách thưởng phạt theo kết quả kinh doanh, kích thích bán hàng;
- ✓ Xây dựng chương trình kích thích bán hàng, kích thích sales chủ động chào hàng liên tục.



## Công tác sản xuất

- ✓ Thực hiện Dự án Tái cấu trúc hàng hoá sản xuất tại các Nhà máy.
- ✓ Đầu tư, đổi mới máy thiết bị, công nghệ: Tăng năng suất lao động, thay thế sức lao động con người.
- ✓ Xây dựng các chương trình nhằm cải tiến và nâng cao năng suất sản xuất, năng suất lao động, chủ động linh hoạt trong sản xuất nhằm đáp ứng tổng sản lượng theo kế hoạch.
- ✓ Tuân thủ tuyệt đối lịch bảo trì bảo dưỡng đảm bảo máy móc thiết bị đáp ứng hoạt động trên 95%. Cải tiến kỹ thuật máy, thiết bị dụng cụ phục vụ sản xuất (đảm bảo duy trì và ổn định chất lượng sản phẩm).
- ✓ Tìm hiểu các quy định, tiêu chuẩn về hàng hóa xuất khẩu vào thị trường các nước; cập nhật kịp thời cho các phòng, ban liên quan; đảm bảo sản phẩm xuất khẩu không bị vướng các quy định.
- ✓ Thực hiện việc huấn luyện, đào tạo về an toàn vệ sinh thực phẩm cho công nhân viên.
- ✓ Tiếp tục phát động phong trào thực hành tiết kiệm và hợp lý hoá quy trình sản xuất để giảm tỷ lệ vật tư tiêu hao, giảm tỷ lệ phế phẩm và giảm giá thành.
- ✓ Xây dựng đơn giá lương sản xuất phù hợp nhằm tạo động lực làm việc cho công nhân.

## Công tác Mua hàng

- ✓ Chất lượng hàng hóa/ nguyên vật liệu mua vào phục vụ sản xuất: Đáp ứng  $\geq 90\%$  các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng nguyên vật liệu sản xuất.
- ✓ Nhập khẩu nguyên liệu từ quốc gia có tiềm năng về sản lượng, ưu thế về giá thành.
- ✓ Triển khai mở rộng nguồn đầu vào, thành lập trạm thu mua nguyên liệu chính tại các vùng trọng điểm, liên kết đối tác nuôi trồng nhằm kiểm soát nguồn nguyên liệu ổn định, đạt chất lượng, phù hợp tiêu chuẩn sản xuất xuất khẩu.





## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

STT	Diễn Giải	Nơi cung cấp	Tiêu thụ	Tiêu thụ gián tiếp	Ghi chú
1	Điện năng tiêu thụ 12 tháng	Điện lực Củ Chi	2.856.355 kw	95.500 kw	
2	Nguồn cấp nước và lưu lượng nước sử dụng 12 tháng	Khu công nghiệp Tân Phú Trung	35.759 m <sup>3</sup>	8.300 m <sup>3</sup>	
3	Lưu lượng nước thải 12	Khu công nghiệp tiếp nhận	28.607 m <sup>3</sup>		
4	Về tiêu chuẩn hệ thống xử lý nước thải		Hệ thống xử lý nhà máy xử lý nước ra đạt loại B	Khi xử lý đạt loại B chuyển cho khu công nghiệp xử lý ra loại A. giá 6.300đ/m <sup>3</sup>	
5	Báo cáo giám sát môi trường	công ty TNHH MTV SX TM DV môi trường Á Châu	Lúc trước báo cáo 1 năm báo cáo 2 lần.		Từ 06/2017 về sau không cần phải báo cáo do không có phát sinh khí thải. (BQL KCN mới gửi công văn)
6	Báo cáo giám sát môi trường làm việc	Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động – môi trường.	1 năm lần		Môi trường lao động đảm bảo cho NLĐ làm việc

Các chỉ tiêu về tiêu thụ năng lượng luôn được kiểm tra, theo dõi một cách chặt chẽ để đảm bảo lượng tiêu thụ điện duy trì trong định mức đặt ra. Công ty hiểu rõ được tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng vừa đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh cho bản thân Công ty. Trong năm, việc tuyên truyền nâng cao ý thức của người lao động về việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, bảo vệ môi trường,... được Công ty chú trọng và đẩy mạnh thực hiện qua nhiều hình thức như tổ chức hội thảo, đối thoại trực tiếp,...



## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hiện nay, trong điều kiện xã hội đang chuyển sang nền kinh tế tri thức, nguồn chất xám của con người ngày càng quan trọng, SJ1 cũng nhận thức được vấn đề trên và chú trọng vào yếu tố con người trong Công ty. Đối với Công ty, người lao động là trí tuệ, tài sản vô hình, có khả năng vô cùng tận.... Công ty hiểu rằng, người lao động có thể thông qua đào tạo, rèn luyện, nâng cao để ngày càng hoàn thiện hơn và đáp ứng được các yêu cầu công việc...do vậy, Công ty luôn chú trọng công tác huấn luyện, tổ chức các khóa giảng dạy nhằm tạo cơ hội cho người lao động vừa phát huy năng lực bản thân, vừa nâng cao trình độ tay nghề.



## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ CỘNG ĐỒNG

Thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như chương trình chăm lo Tết cho người nghèo và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại địa phương nơi Công ty đặt trụ sở, vận động quyền góp toàn Công ty ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt. Ngoài ra, Công ty cũng phối hợp với các đơn vị khác tham gia các hoạt động thiện nguyện như tổ chức vui trung thu cho 600 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại Trường Trung Học CS Gò Xoài, Trung Lập, Xã Bình Lợi, Bình Chánh với mong muốn mang đến cho các em niềm vui và cảm nhận trọn vẹn giá trị của cái Tết trung thu.



## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Các mặt hoạt động của Công ty

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng trong tương lai

## “Đánh giá của Hội đồng quản trị đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017”



Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2017 đã có sự khởi sắc, với sản lượng công nghiệp phục hồi cùng với hoạt động thương mại có nhiều dấu hiệu tích cực, chủ yếu nhờ nhu cầu nhập khẩu từ khu vực Đông Nam Á tăng mạnh. Điều này đã làm cho niềm tin của các doanh nghiệp và người tiêu dùng được khôi phục, hầu hết các nước sản xuất nguyên liệu đều có triển vọng sáng nhờ giá dầu và nhiên liệu tăng. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia cũng nhận định rằng việc chủ nghĩa bảo hộ thương mại gia tăng, sự xuất hiện các căng thẳng, sự chia rẽ và phân cực về chính trị hay những tàn dư của khủng hoảng tài chính là những Song với đó, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2017 tiếp tục có những chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng được cải thiện rõ nét qua từng quý. Các ngành dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức tăng trưởng tốt. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Xuất khẩu tăng cao, thu hút khách quốc tế và vốn đầu tư nước ngoài đạt khá. Tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn so với cùng kỳ năm 2016 và có xu hướng giảm dần trong thời gian tới; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và đạt được những kết quả nhất định. Bên cạnh đó, nền kinh tế nước ta còn đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ như: Công nghiệp khai khoáng tiếp tục giảm sút, sản xuất nông nghiệp có dấu hiệu chững lại. Tiến độ thu ngân sách nhà nước, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm. Tình hình thiên tai, bão, lũ diễn biến phức tạp, bất thường ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư.

9 tháng đầu năm Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,41% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng của 9 tháng năm nay cao hơn mức tăng 5,99% của cùng kỳ năm 2016, khẳng định tinh kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt của các cấp, ngành, các địa phương cùng thực hiện, đây là tín hiệu tích cực để nền kinh tế hướng tới mục tiêu tăng trưởng 6,7% của cả năm 2017. Trong mức tăng 6,41% của toàn nền kinh tế 9 tháng năm 2017, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,78%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,25%.

## Thuận lợi

- ✓ Hội đồng quản trị chủ động giúp đỡ, theo sát;
- ✓ Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị giao theo định hướng phát triển sản xuất kinh doanh đúng đắn; Đồng thời phân công, giao việc điều hành cụ thể cho từng vị trí lãnh đạo, bên cạnh đó tiếp tục giữ vững và phát huy sự đoàn kết nội bộ trong Công ty;
- ✓ Đội ngũ các cán bộ quản lý tương tác tốt trong công việc, hỗ trợ nhau tích cực;
- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng, quy trình sản xuất ổn định cho ra các dòng sản phẩm luôn đáp ứng được nhu cầu khách hàng và các thị trường khó tính;
- ✓ Thực hiện cơ cấu lại nhóm mặt hàng chủ lực, đẩy mạnh việc kinh doanh nhóm hàng này;
- ✓ Thường xuyên khảo sát, nắm bắt thị trường nên Công ty luôn có một lượng nguyên liệu chính dự trữ chất lượng ổn định để đảm bảo sản xuất kinh doanh.

## Khó khăn

- ✓ Nguồn nguyên liệu không ổn định, còn phụ thuộc các yếu tố đầu vào của sản xuất nguyên liệu như: thức ăn, hóa chất, kháng sinh, con giống,... đều phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu, tình hình dịch bệnh, thiên tai,... dẫn tới thiếu hụt, mất ổn định;
- ✓ Giá nguyên liệu biến động, tăng cao đặc biệt cá, bạch tuộc, tôm, mực, ghe,... là những nguyên liệu chính cho sản xuất của Công ty. Giá cá nguyên liệu có thời điểm tăng lên đến 28.800đ/kg (mức kỷ lục);
- ✓ Các doanh nghiệp cùng ngành cạnh tranh về giá ảnh hưởng đến các đơn hàng của Công ty dẫn đến đơn hàng không nhiều, nhỏ lẻ, không tập trung để sản xuất;
- ✓ Chi phí sản xuất tăng làm giá thành sản phẩm và giá xuất khẩu cao, làm giảm năng lực cạnh tranh;
- ✓ Những rào cản kỹ thuật và bảo hộ thương mại như thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh hay chương trình thanh tra riêng biệt,... đang được các nước nhập khẩu tăng cường áp dụng gây khó khăn cho hàng xuất khẩu, làm tăng chi phí;

- ✓ Thiếu hụt lao động trong ngành thủy sản và nguồn lao động đang ngày càng giảm sút, sự chuyển dịch sang các ngành kinh tế khác có điều kiện lao động tốt hơn. Trong khi, những ràng buộc và quy định chặt chẽ về lao động từ FTA tiếp tục gia tăng thêm thách thức cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản;
- ✓ Tình hình tuyển dụng lao động năm 2017 tiếp tục biến động mạnh, mặc dù Công ty đã chú trọng đến các chính sách về lương, quyền lợi của người lao động (lương, thưởng, đãi ngộ,...).



## Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu luôn giám sát chặt chẽ công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đánh giá cao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc có sự thống nhất, phân bổ nhiệm vụ rõ ràng cho từng vị trí, tiếp tục giữ vững và duy trì tinh thần đoàn kết nội bộ trong toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc luôn tuân thủ pháp luật hiện hành, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc chủ động trong điều hành, linh hoạt, sáng tạo và chỉ đạo quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực, đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, với những công việc:



Công tác quản trị đang từng bước đi vào nề nếp và với cơ chế phân cấp – phân quyền – phân định trách nhiệm cụ thể của từng vị trí lãnh đạo.



Thực hiện đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.



Đảm bảo việc làm ổn định cho 100% người lao động trong Công ty với mức thu nhập bình quân tăng hơn 6% so với năm 2016.



Nâng cao nhà xưởng, đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và có tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nâng công suất Nhà máy số 03 và Nhà máy số 05 lên hơn 30% công suất ban đầu.



## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

### Các chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm tài chính 2018
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.023.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.000
3	Cổ tức	%/ năm	10%

### Các giải pháp thực hiện

- Triển khai các mục tiêu trọng tâm:
  - Tái cấu trúc sản xuất hàng GTGT tại Nhà máy HAF (Sa Đéc – Đồng Tháp) đạt sản lượng 1.500 tấn/năm.
  - Khai thác Dự án bao tiêu khoai tây Đà Lạt, cam kết sản lượng tiêu thụ khoảng 2.000 tấn/năm; Liên kết hợp tác phân phối độc quyền thương hiệu khoai tây Đà Lạt.
  - Phát triển sản phẩm chủ lực: 03 sản phẩm GTGT thay đổi hoàn toàn về hình thức, quy cách, chất lượng, giá cả.
  - Hoàn thành liên kết, hợp tác chuỗi giá trị: Đối tác tài chính – Nhà cung cấp – Hộ nuôi trồng – Nhà máy sản xuất.
  - Triển khai các chương trình quản lý bán hàng, chăm sóc khách hàng:
    - ✓ Áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc khách hàng.
    - ✓ Gửi thông tin thường xuyên đến khách hàng định kỳ hàng tháng.
    - ✓ Cập nhật thông tin thường xuyên lên website B2B; Đảm bảo thông tin xuất hiện trong top 10 website B2B/tháng; Sàng lọc và loại bỏ các thông tin không còn phù hợp trên các website.
    - ✓ Triển khai chương trình phát triển khách hàng mới, khôi phục khách hàng cũ cho từng nhân viên sale đảm bảo có doanh số phù hợp.
  - Phát triển thương hiệu, thị phần: Tham gia các Hội chợ quốc tế, các buổi giao thương với các khách hàng, đối tác thông qua cơ quan Trung tâm xúc tiến thương mại.



## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

- Tiếp tục triển khai chiến lược xây dựng và phát triển Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu theo mô hình Tổng Công ty với các Công ty thành viên độc lập về hoạt động thường xuyên nhưng chịu sự chi phối từ Công ty mẹ về các hoạt động chủ chốt.
- Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung cho nguồn vốn lưu động và phục vụ công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.
- Thực hiện triệt để việc liên kết chuỗi giá trị hàng hóa nông sản – thủy sản để kiểm soát chất lượng nguồn gốc sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra.
- Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của Công ty.



- Đánh giá hiệu quả của chương trình tái cấu trúc sau 06 tháng hoạt động để hướng đến phát huy trọn vẹn các thế mạnh về nhân lực, tổ chức bộ máy tinh gọn & hiệu quả.
- Chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển, tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ kịp thời theo xu hướng quốc tế.
- Xây dựng và áp dụng các chương trình tiết giảm chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân sự kế thừa, đặc biệt thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để chuẩn bị cho nhu cầu mở rộng và tăng quy mô hoạt động trong thời gian tới.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH  
TỪ NGÀY 01/10/2016 ĐẾN NGÀY 30/09/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Mã chứng khoán: SJ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN MIẾU  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
CÁI LẬY



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Thành viên không điều hành
3	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	Thành viên không điều hành
4	Võ Minh Khang	Thành viên	Thành viên không điều hành
5	Đình Thị Bích Hà	Thành viên	Thành viên không điều hành
6	Ngô Đức Dũng	Thành viên	Thành viên không điều hành
7	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Thành viên không điều hành

*(Xem phần Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị tại chương 2)*

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị và cùng đóng góp ý kiến các vấn đề quan trọng của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	16/16	100%	
2	Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT	16/16	100%	
3	Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
4	Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
5	Ông Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT	13/16	81,25%	Trúng cử Thành viên HĐQT ngày 21/12/2016
6	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	16/16	100%	
8	Ông Trần Đức Dũng	Thành viên HĐQT	2/16	12,5%	Thôi nhiệm Thành viên HĐQT ngày 21/12/2016

(Bao gồm: Các cuộc họp trực tiếp và các lần xin ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản)

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

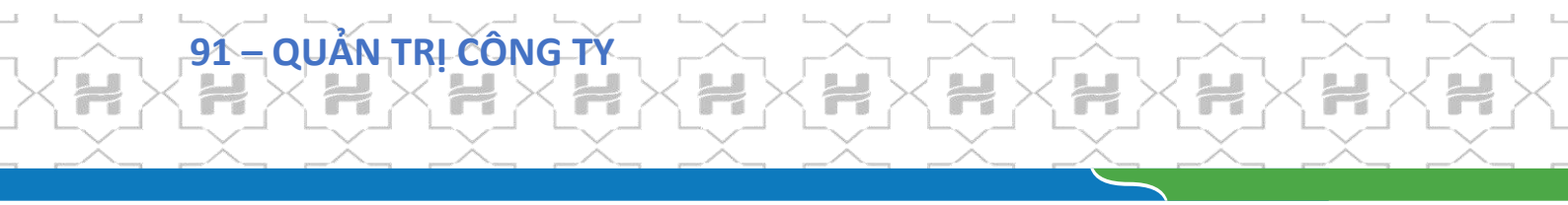
Công ty không thành lập các tiểu ban.

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM**

Không có.

## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 09/NQ-HĐQT	16/11/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Ngô Văn Thế - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> <li>- Thống nhất thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Văn Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> </ul>
2	Số 10/NQ-HĐQT	08/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm tài chính từ 01/10/2016-30/09/2017.</li> </ul>
3	Số 11/NQ-HĐQT	21/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc chấp thuận đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của ông Trần Đức Dũng.</li> <li>- Thống qua bổ nhiệm ông Võ Minh Khang tạm thời làm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2015-2020 thay thế chỗ trống phát sinh.</li> </ul>
4	Số 12/NQ-HĐQT	21/12/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc bổ sung Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu vào chương trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính từ ngày 01/10/2016 - 30/09/2017.</li> </ul>
5	Số 01/NQ-HĐQT	02/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống qua phương án sử dụng vốn chi tiết từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.</li> </ul>
6	Số 02/NQ-HĐQT	02/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</li> </ul>



## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
7	Số 03/NQ-HĐQT	03/05/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua việc thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Dư Thiện Minh Trang.</li><li>- Thông qua việc bổ nhiệm bà Dư Thiện Minh Trang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li><li>- Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Hoàng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li></ul>
8	Số 04/NQ-HĐQT	03/05/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Võ Minh Khang – Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li><li>- Thông qua việc bổ nhiệm ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li><li>- Thông qua việc bổ nhiệm ông Ngô Văn Thế giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li></ul>
9	Số 05/NQ-HĐQT	12/05/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua chi tiết về kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.</li></ul>
10	Số 06/NQ-HĐQT	12/05/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và triển khai thực hiện phương án phát hành.</li></ul>
11	Số 07/NQ-HĐQT	21/07/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua đơn xin từ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Đinh Thị Bích Hà và ông Trần Văn Thắng.</li></ul>
12	Số 08/NQ-HĐQT	13/09/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua việc phân phối lại cổ phần không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu.</li></ul>

## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
13	Số 09/NQ-HĐQT	25/09/2017	- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (Lý do: Tăng vốn điều lệ sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng).
14	Số 10/NQ-HĐQT	26/09/2017	- Thông qua việc giảm tỷ lệ góp vốn tại Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu xuống mức thấp hơn 51%/ Vốn Điều lệ Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu.
15	Số 11/NQ-HĐQT	26/09/2017	- Thông qua việc tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Hùng Hậu Lâm Đồng (Tỷ lệ góp vốn: chiếm 5%/ Vốn điều lệ Công ty TNHH Hùng Hậu Lâm Đồng).
16	Số 12/NQ-HĐQT	26/09/2017	- Thông qua việc bổ nhiệm ông Từ Thanh Phụng (CMND số: 334049760) thay thế bà Nguyễn Thị Thanh Tâm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, nhiệm kỳ 2015-2020.
17	Số 13/NQ-HĐQT	29/09/2017	- Thông qua việc góp thêm vốn vào Công ty TNHH Nha Môn.
18	Số 14/NQ-HĐQT	02/10/2017	- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của ông Từ Thanh Phụng. - Thống nhất qua việc bổ nhiệm ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
19	Số 15/NQ-HĐQT	06/10/2017	- Chấp thuận đơn xin từ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu của bà Tô Thị Kim Thịnh.
20	Số 16/NQ-HĐQT	06/10/2017	- Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
21	Số 08/QĐ-HĐQT	16/11/2016	- Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Ngô Văn Thế.
22	Số 09/QĐ-HĐQT	16/11/2016	- Bổ nhiệm ông Trần Văn Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.



**CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
23	Số 01/QĐ-HĐQT	03/05/2017	- Thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Du Thiện Minh Trang.
24	Số 02/QĐ-HĐQT	03/05/2017	- Bổ nhiệm bà Du Thiện Minh Trang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
25	Số 03/QĐ-HĐQT	03/05/2017	- Bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Hoàng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
26	Số 04/QĐ-HĐQT	03/05/2017	- Thôi nhiệm Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Võ Minh Khang.
27	Số 05/QĐ-HĐQT	03/05/2017	- Bổ nhiệm ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
28	Số 06/QĐ-HĐQT	03/05/2017	- Bổ nhiệm ông Ngô Văn Thế giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
29	Số 07/QĐ-HĐQT	21/07/2017	- Thôi nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Đinh Thị Bích Hà.
30	Số 08/QĐ-HĐQT	21/07/2017	- Thôi nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Trần Văn Thắng.
31	Số 09/QĐ-HĐQT	02/10/2017	- Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Từ Thanh Phụng.
32	Số 10/QĐ-HĐQT	02/10/2017	- Bổ nhiệm ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
33	Số 11/QĐ-HĐQT	06/10/2017	- Thôi nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Tô Thị Kim Thịnh.

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Huỳnh Thanh	Trưởng ban	
2	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	
3	Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên	

*(Xem phần Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát tại chương 2)*

## CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Huỳnh Thanh	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Bà Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên BKS	2/2	100%	





## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết/Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã đạt được kết quả nhất định về các chỉ tiêu quan trọng như: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập bình quân của người lao động, theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2017 thông qua và lợi nhuận thực hiện trước thuế là 25.585 triệu đồng thấp hơn kế hoạch là 25.415 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch là 50%.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban Kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác để nắm tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến kịp thời với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.



## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

### LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: đồng/người/năm

STT	Họ và tên	Thù lao	Lương + Thường
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>959.160.332</b>	
1,1	Trần Văn Hậu	-	
1,2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	-	
1,3	Đinh Thị Bích Hà	-	
1.4a	Trần Đức Dũng	-	
1.4b	Vô Minh Khang	-	
1,5	Từ Thanh Phụng	-	
1,6	Ngô Đức Dũng	-	
1,7	Tôn Thất Diên Khoa	-	
<b>2</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>299.737.603</b>	
2,1	Huỳnh Thanh	-	
2,2	Huỳnh Minh Tâm	-	
2,3	Đinh Thị Bảo Yến	-	
<b>3</b>	<b>Ban điều hành</b>		<b>2.122.976.334</b>
3,1	Từ Thanh Phụng	-	
3,2	Đinh Thị Bích Hà	-	
3,3	Trần Thanh Hương	-	
3,4	Tô Thị Kim Thịnh	-	
3,5	Trần Văn Thắng	-	
3,6	Vô Minh Khang	-	
3,7	Dư Thiện Minh Trang	-	
3,8	Ngô Văn Thế	-	
3,9	Nguyễn Minh Hoàng	-	

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán/Cho/Tặng/Thừa kế, ...)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Ông Trần Văn Hậu - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu là người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	2.334.318	Mua	133.582	2.467.900	02/06/2017
			5.083.874	Mua	1.040.000	6.123.874	14/09/2017

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có.

## VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ý kiến của Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 62.2017/HHA/CV

(V/v CBTT: Công bố thông tin định kỳ: BCTC  
hợp nhất năm tài chính 2017)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;  
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 08. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: [info@hunghau.vn](mailto:info@hunghau.vn)
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Thanh Hương – Tổng Giám Đốc
7. Nội dung công bố thông tin:
  - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 29/12/2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 7.2. Nội dung giải trình: Giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2017 giảm so với năm 2016: Lợi nhuận sau thuế của năm 2017 giảm 20% so với năm 2016 là do Sản lượng sản xuất, tiêu thụ giảm và Cơ cấu hàng bán khác nhau.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn)

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**Người thực hiện CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TRẦN THANH HƯƠNG  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017  
**đã được kiểm toán**



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU  
Số :

---oOo---

V/v: giải trình kết quả hoạt động  
SXKD hợp nhất năm tài chính 2017  
giảm so với cùng kỳ năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

---oOo---

TP.HCM, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm tài chính 2017 giảm so với cùng kỳ năm 2016 như sau:  
**Bảng tổng hợp các chỉ tiêu:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016 ( từ 01/10/2015 đến 30/09/2016)	Năm 2017 ( từ 01/10/2016 đến 30/09/2017)	% tăng, giảm
<b>I/ Sản lượng SX-TT</b>				
1. Sản lượng sản xuất	Tấn	6,583	5,790	-12%
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6,877	6,048	-12%
<b>II/ Doanh thu - Lợi nhuận</b>				
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	667,660	909,128	36%
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	26,067	20,838	-20%
<b>III/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản</b>				
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	156,265	235,632	51%
2. Hàng tồn kho	Triệu đồng	204,940	219,712	7%
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	386,486	463,759	20%

\* Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của năm tài chính 2017 giảm 20 % so với cùng kỳ năm 2016 là do :  
\_ Sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm  
\_ Cơ cấu hàng bán khác nhau

Trên đây là phần giải trình biến động về KQKD hợp nhất giữa hai kỳ báo cáo của Công Ty Cổ Phần  
Nông Nghiệp Hùng Hậu

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:  
\_ Như trên  
\_ Lưu TV

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Trần Thanh Hương

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	06 – 08
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	09
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	10 – 11
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất</i>	12 – 39

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017.

### Khái quát

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Đến ngày 26/09/2017
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Từ ngày 26/09/2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	Từ ngày 26/09/2017
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Trần Đức Dũng	Thành viên	Đến ngày 21/12/2016
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	Từ ngày 21/12/2016
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### *Ban Tổng Giám đốc*

Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/10/2017
Ông Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/10/2017
Bà Dư Thiện Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/05/2017
Ông Ngô Văn Thế	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 03/05/2017
Ông Võ Minh Khang	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 03/05/2017
Bà Đinh Thị Bích Hà	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 21/07/2017
Ông Trần Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 21/07/2017
Bà Tô Thị Kim Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 06/10/2017

### *Ban kiểm soát*

Bà Huỳnh Thanh	Trưởng ban
Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên
Bà Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên

### *Kiểm toán viên*

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất*  
*Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông*  
*ng nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất*  
*cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2017

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hương

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 15/12/2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

**Nguyễn Xuân Giang**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2014-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2784-2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/10/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>494.688.955.588</b>	<b>418.237.301.823</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>8.795.661.927</b>	<b>12.685.617.515</b>
1. Tiền	111		8.795.661.927	12.685.617.515
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		<b>14.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	14.000.000.000	28.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>235.632.093.431</b>	<b>156.265.082.540</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	230.143.969.191	146.698.775.884
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.885.496.543	8.070.490.753
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.602.627.697	1.495.815.903
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.6	<b>219.711.928.671</b>	<b>204.940.410.525</b>
1. Hàng tồn kho	141		219.711.928.671	204.940.410.525
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>16.549.271.559</b>	<b>16.346.191.243</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.949.185.382	845.930.709
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.600.086.177	15.500.260.534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>391.412.750.350</b>	<b>315.923.581.817</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>8.071.178.746</b>	<b>5.531.365.016</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	8.071.178.746	5.531.365.016
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>318.941.928.652</b>	<b>248.102.450.574</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	168.862.791.641	165.643.107.898
- Nguyên giá	222		219.439.125.073	202.983.201.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.576.333.432)	(37.340.093.496)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	40.290.129.736	27.170.829.621
- Nguyên giá	225		47.241.844.411	30.362.676.508
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.951.714.675)	(3.191.846.887)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	109.789.007.275	55.288.513.055
- Nguyên giá	228		113.027.012.250	57.270.911.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.238.004.975)	(1.982.398.919)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/10/2016
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>5.623.744.511</b>	<b>2.084.344.637</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	5.623.744.511	2.084.344.637
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		<b>24.455.500.000</b>	<b>24.325.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	14.240.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	10.215.500.000	24.325.500.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>34.320.398.441</b>	<b>35.879.921.590</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	34.320.398.441	35.879.921.590
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>886.101.705.938</b>	<b>734.160.883.640</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/10/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>620.569.451.844</b>	<b>580.567.093.657</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>463.758.674.257</b>	<b>386.486.452.770</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	110.816.361.065	90.764.125.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.850.131.001	5.049.266.402
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.867.183.738	4.937.069.414
4. Phải trả người lao động	314		6.408.975.978	5.430.317.148
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	15.249.148.499	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	15.898.495.341	5.384.142.148
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	302.521.140.296	274.313.853.761
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		147.238.339	607.678.023
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>156.810.777.587</b>	<b>194.080.640.887</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	21.900.000.000	45.100.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	134.910.777.587	148.980.640.887
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>265.532.254.094</b>	<b>153.593.789.983</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.17	<b>265.532.254.094</b>	<b>153.593.789.983</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.805.970.000	104.553.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.805.970.000	104.553.710.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		52.061.107.960	29.153.369.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.935.474.500	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.739.801.634	19.896.810.023
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.901.652.073	542.065.028
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.838.149.561	19.354.744.995
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>886.101.705.938</b>	<b>734.160.883.640</b>

Người lập biểu

*Thanh Vân*

Nguyễn Thị Thanh Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2017

Kế toán trưởng

*Hoàng*

Nguyễn Minh Hoàng



Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

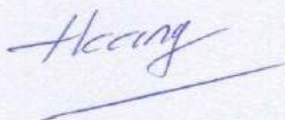
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	910.116.441.989	668.349.665.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	988.063.703	690.075.509
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		909.128.378.286	667.659.590.079
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	828.267.485.995	598.174.681.769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.860.892.291	69.484.908.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.639.957.936	3.318.528.959
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	38.869.580.446	20.610.332.487
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.645.704.516	19.464.745.761
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	19.435.269.881	10.080.006.871
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	14.487.160.909	13.207.512.111
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.708.838.991	28.905.585.800
12. Thu nhập khác	31	VI.6	5.648.869.637	3.728.098.365
13. Chi phí khác	32	VI.7	1.772.422.317	761.315.778
14. Lợi nhuận khác	40		3.876.447.320	2.966.782.587
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.585.286.311	31.872.368.387
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.747.136.750	5.805.534.820
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.838.149.561	26.066.833.567
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.838.149.561	26.066.833.567
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.10	1.734	2.125

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.585.286.311	31.872.368.387
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.251.713.780	10.581.821.946
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		106.619.984	(93.464.662)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.931.828.795)	(2.139.566.935)
- Chi phí lãi vay	06		35.645.704.516	19.464.745.761
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.657.495.796	59.685.904.497
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(78.468.392.444)	(62.886.964.751)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(14.771.518.146)	(128.511.286.463)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		22.409.746.719	113.347.286.832
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(543.731.524)	(3.222.169.986)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.214.475.531)	(19.029.229.094)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.604.845.547)	(5.197.703.233)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.976.556.534)	(1.227.698.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(49.512.277.211)	(47.041.860.236)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(81.952.371.102)	(141.996.111.640)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	33.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.357.336.999)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.000.000.000	4.430.239.777
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.530.000.000)	(9.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		25.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.653.192.868	2.521.777.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.829.178.234)	(148.467.795.353)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		99.889.048.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		727.205.904.089	738.467.897.075
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(722.896.525.957)	(516.811.651.625)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(8.487.265.887)	(6.997.180.558)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.251.168.500)	(8.488.515.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>89.459.991.745</b>	<b>206.170.549.092</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(3.881.463.700)</b>	<b>10.660.893.503</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		<b>12.685.617.515</b>	<b>2.024.724.012</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.491.888)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1	<b>8.795.661.927</b>	<b>12.685.617.515</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2017

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hương

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện khoản 1 điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Lắp đặt công trình hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Lắp đặt công trình điều hòa không khí;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản ....

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Từ khi thành lập đến ngày 31/12/2015, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2016, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/09/2016.

Những năm tiếp theo, kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm này và kết thúc vào ngày 30/09 của năm tiếp theo.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

**Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

**Các công ty liên doanh, liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

- a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.
- b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.
- c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

**Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**b) Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**18. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.059.289.065	378.272.702
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.736.372.862	12.307.344.813
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.795.661.927</b>	<b>12.685.617.515</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2017		01/10/2016			
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>		14.000.000.000	14.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh cho các khoản vay		14.000.000.000	14.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		24.455.500.000	207.376.000	24.325.500.000	285.540.800	
<b>Góp vốn liên doanh</b>		14.240.000.000	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Nha Mãn	48%	12.015.000.000	(*)	-	-	-
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	50%	1.300.000.000	(*)	-	-	-
+ Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	925.000.000	(*)	-	-	-
<b>- Đầu tư vào đơn vị khác</b>		10.215.500.000	207.376.000	24.325.500.000	285.540.800	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	207.376.000	159.520.000	285.540.800	
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000	(*)	65.980.000	(*)	
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu (a)		9.990.000.000	(*)	9.100.000.000	(*)	
+ Trường Đại học Văn Hiến (b)		-	-	15.000.000.000	(*)	

(a) Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 26/09/2017 Công ty điều chỉnh giảm tỷ lệ góp vốn xuống dưới 51% vốn điều lệ do công ty không góp thêm vốn khi Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu thực hiện tăng vốn điều lệ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313323785 thay đổi lần thứ 4 ngày 29/09/2017, tỷ lệ góp vốn của Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu là 17%, tương đương 30.600.000.000 VND. Đến ngày 30/09/2017, Công ty đã thực góp 9.990.000.000 VND.

(b) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng phần vốn góp vào Trường Đại học Văn Hiến theo Biên bản thỏa thuận ngày 31 tháng 03 năm 2017 với giá chuyển nhượng là 25.000.000.000 VND.

(\*) Tại ngày 01/10/2016 và ngày 30/09/2017, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
a) <b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>230.143.969.191</b>	<b>146.698.775.884</b>
<i>Phải thu khách hàng trong nước</i>	<i>204.320.606.121</i>	<i>118.979.235.593</i>
<i>Phải thu khách hàng nước ngoài</i>	<i>25.823.363.070</i>	<i>27.719.540.291</i>

b) **Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
Công Ty TNHH Xây Dựng Hùng Hậu	1.123.213.991	968.274.850
Công ty Cổ phần kiến trúc Xây dựng Nhà Vui	1.000.000.000	-
Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Đồng Tháp	-	5.555.000.000
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	1.762.282.552	1.547.215.903
<b>Cộng</b>	<b>3.885.496.543</b>	<b>8.070.490.753</b>

**5. Phải thu khác**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>1.602.627.697</b>	<b>1.495.815.903</b>
Lãi tiền gửi dự thu	376.991.665	497.408.465
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	523.860.032	435.393.740
Phải thu khác	701.776.000	563.013.698
b) <b>Dài hạn</b>	<b>8.071.178.746</b>	<b>5.531.365.016</b>
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.185.533.800	3.326.533.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	2.761.181.896	1.855.281.916
Phải thu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc mượn tiền mua cổ phiếu	-	79.837.500
Phải thu cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu	124.463.050	269.711.800
<b>Cộng</b>	<b>9.673.806.443</b>	<b>7.027.180.919</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/09/2017		01/10/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.091.022.826	-	3.715.683.896	-
Công cụ, dụng cụ	3.184.373.033	-	3.227.927.825	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.708.298.556	-	-	-
Thành phẩm	200.728.234.256	-	197.996.798.804	-
<b>Cộng</b>	<b>219.711.928.671</b>	<b>-</b>	<b>204.940.410.525</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.949.185.382</b>	<b>845.930.709</b>
Chi phí Bảo Hiểm chờ kết chuyển	245.950.576	312.057.772
Tiền thuê đất	745.928.309	448.614.600
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	85.258.337
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.957.306.497	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>34.320.398.441</b>	<b>35.879.921.590</b>
Tiền thuê đất (*)	33.099.554.694	35.725.813.686
Chi phí sửa chữa	1.187.222.535	91.668.446
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	33.621.212	62.439.458
<b>Cộng</b>	<b>37.269.583.823</b>	<b>36.725.852.299</b>

(\*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 32 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 30.607.458.099 VND; Tiền thuê đất tại số 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh với giá trị còn phân bổ là 2.361.192.099 VND và Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 130.904.496 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	121.450.565.405	72.160.227.314	7.192.708.803	2.179.699.872	202.983.201.394
Số tăng trong năm	20.623.418.952	2.033.452.000	-	-	22.656.870.952
- Mua trong năm	19.877.795.224	2.033.452.000	-	-	21.911.247.224
- Đầu tư XD CB hoàn thành	745.623.728	-	-	-	745.623.728
Số giảm trong năm	6.200.947.273	-	-	-	6.200.947.273
- Góp vốn vào Công ty TNHH Nha Môn	6.200.947.273	-	-	-	6.200.947.273
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>135.873.037.084</b>	<b>74.193.679.314</b>	<b>7.192.708.803</b>	<b>2.179.699.872</b>	<b>219.439.125.073</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	11.691.208.955	20.198.088.749	3.899.795.807	1.550.999.985	37.340.093.496
Khấu hao trong năm	5.740.735.173	6.912.021.923	507.570.168	75.912.672	13.236.239.936
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.431.944.128</b>	<b>27.110.110.672</b>	<b>4.407.365.975</b>	<b>1.626.912.657</b>	<b>50.576.333.432</b>
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	109.759.356.450	51.962.138.565	3.292.912.996	628.699.887	165.643.107.898
Tại ngày cuối năm	118.441.092.956	47.083.568.642	2.785.342.828	552.787.215	168.862.791.641

30/09/2017

01/10/2016

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay  
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

148.447.379.138

146.941.386.364

9.016.769.695

7.459.771.945

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	25.690.348.566	4.672.327.942	30.362.676.508
Số tăng trong năm	16.879.167.903	-	16.879.167.903
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>42.569.516.469</b>	<b>4.672.327.942</b>	<b>47.241.844.411</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	2.661.342.993	530.503.894	3.191.846.887
Khấu hao trong năm	3.175.826.804	584.040.984	3.759.867.788
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.837.169.797</b>	<b>1.114.544.878</b>	<b>6.951.714.675</b>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	23.029.005.573	4.141.824.048	27.170.829.621
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>36.732.346.672</b>	<b>3.557.783.064</b>	<b>40.290.129.736</b>

*Ghi chú: Công ty thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam, thời hạn thuê từ 36 đến 60 tháng.*

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	56.987.811.974	283.100.000	57.270.911.974
Số tăng trong năm	55.756.100.276	-	55.756.100.276
- Mua trong năm	55.756.100.276	-	55.756.100.276
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>112.743.912.250</b>	<b>283.100.000</b>	<b>113.027.012.250</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	1.864.316.186	118.082.733	1.982.398.919
Khấu hao trong năm	1.220.218.560	35.387.496	1.255.606.056
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.084.534.746</b>	<b>153.470.229</b>	<b>3.238.004.975</b>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	55.123.495.788	165.017.267	55.288.513.055
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>109.659.377.504</b>	<b>129.629.771</b>	<b>109.789.007.275</b>

	30/09/2017	01/10/2016
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	107.790.420.604	53.254.538.888

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án nhà máy Thủy Sản Lai Vung Đồng Tháp	1.808.786.982	-
Dự án Công trình HHA OFFICE	1.291.615.056	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	645.308.382	206.310.546
<b>Cộng</b>	<b>5.623.744.511</b>	<b>2.084.344.637</b>

**12. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2017		01/10/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>110.816.361.065</b>	<b>110.816.361.065</b>	<b>90.764.125.874</b>	<b>90.764.125.874</b>
Công ty TNHH Hoàn Kim	5.809.044.616	5.809.044.616	6.192.589.887	6.192.589.887
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	5.527.500	5.527.500	20.457.873.694	20.457.873.694
Công Ty TNHH MTV Trần Hân	10.736.708.547	10.736.708.547	-	-
Công ty TNHH Hùng Cá	20.660.754.400	20.660.754.400	10.494.849.500	10.494.849.500
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	73.604.326.002	73.604.326.002	53.618.812.793	53.618.812.793

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/10/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	30/09/2017
<b>a) Phải nộp</b>	<b>4.937.069.414</b>	<b>8.018.809.570</b>	<b>8.088.695.246</b>	<b>4.867.183.738</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.611.345.228	4.747.136.750	2.604.845.547	4.753.636.431
Thuế thu nhập cá nhân	36.598.586	1.012.352.831	992.418.030	56.533.387
Thuế tài nguyên	-	26.096.880	23.789.280	2.307.600
Tiền thuê đất	2.289.125.600	2.223.723.109	4.458.142.389	54.706.320
Các loại thuế khác	-	9.500.000	9.500.000	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí gia công	15.191.728.499	-
Trích trước chi phí phải trả ngắn hạn khác	57.420.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.249.148.499</b>	<b>-</b>

**15. Phải trả khác**

	30/09/2017	01/10/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>15.898.495.341</b>	<b>5.384.142.148</b>
- Kinh phí công đoàn	306.320.141	194.522.082
- Bảo hiểm xã hội	1.065.800.696	288.907.205
- Bảo hiểm y tế	121.159.949	522.119.174
- Bảo hiểm thất nghiệp	44.001.350	-
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	101.590.200	80.142.100
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJI Plaza	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	8.026.775.000	-
- Phải trả khác	2.232.848.005	298.451.587
<b>b) Dài hạn</b>	<b>21.900.000.000</b>	<b>45.100.000.000</b>
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	-	45.100.000.000
- Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (**)	21.900.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>37.798.495.341</b>	<b>50.484.142.148</b>

(\*) Công ty mượn của Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu theo hợp đồng vay mượn số 01-MT-2016 ngày 24/08/2016, thời hạn 16 tháng.

(\*\*) Công ty mượn của Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu theo các hợp đồng mượn tiền, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2018.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

16. Vay và nợ thuê tài chính	30/09/2017		Trong năm		01/10/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>302.521.140.296</b>	<b>302.521.140.296</b>	<b>738.198.118.434</b>	<b>709.990.831.899</b>	<b>274.313.853.761</b>	<b>274.313.853.761</b>
- <b>Vay ngắn hạn (*)</b>	<b>273.811.171.472</b>	<b>273.811.171.472</b>	<b>709.488.149.610</b>	<b>686.499.958.957</b>	<b>250.822.980.819</b>	<b>250.822.980.819</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	71.743.911.884	71.743.911.884	183.189.839.583	201.467.209.513	90.021.281.814	90.021.281.814
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	-	-	29.422.294.066	29.422.294.066	29.422.294.066
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	99.323.976.807	99.323.976.807	220.081.790.533	215.778.132.505	95.020.318.779	95.020.318.779
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	62.933.826.781	62.933.826.781	231.161.828.944	198.087.088.323	29.859.086.160	29.859.086.160
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	32.909.456.000	32.909.456.000	68.154.690.550	41.745.234.550	6.500.000.000	6.500.000.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000	-	-	-
- <b>Nợ dài hạn đến hạn trả (**)</b>	<b>28.709.968.824</b>	<b>28.709.968.824</b>	<b>28.709.968.824</b>	<b>23.490.872.942</b>	<b>23.490.872.942</b>	<b>23.490.872.942</b>
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	5.028.800.004	5.028.800.004	5.028.800.004	4.245.466.670	4.245.466.670	4.245.466.670
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	-	-	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	9.470.040.000	9.470.040.000	9.470.040.000	8.947.540.000	8.947.540.000	8.947.540.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	9.438.404.820	9.438.404.820	9.438.404.820	5.897.866.272	5.897.866.272	5.897.866.272

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	30/09/2017		Trong năm		01/10/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Dài hạn (**)</b>	<b>134.910.777.587</b>	<b>134.910.777.587</b>	<b>36.033.065.469</b>	<b>50.102.928.769</b>	<b>148.980.640.887</b>	<b>148.980.640.887</b>
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	38.339.799.996	38.339.799.996	-	5.812.133.334	44.151.933.330	44.151.933.330
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	-	-	17.100.000.000	17.100.000.000	17.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	62.526.530.000	62.526.530.000	-	9.992.540.000	72.519.070.000	72.519.070.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	12.329.549.000	12.329.549.000	17.500.000.000	5.170.451.000	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	21.714.898.591	21.714.898.591	18.533.065.469	12.027.804.435	15.209.637.557	15.209.637.557
<b>Cộng</b>	<b>437.431.917.883</b>	<b>437.431.917.883</b>	<b>774.231.183.903</b>	<b>760.093.760.668</b>	<b>423.294.494.648</b>	<b>423.294.494.648</b>

- c) **Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**  
Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2017		Phương thức đảm bảo khoản vay
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	0102/KHDN1/17NH	12 tháng		71.743.911.884	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	LD1623100028	12 tháng		97.796.780.807	Thế chấp
	LD1623100028	12 tháng	67.100,00	1.527.196.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng		42.272.051.152	Thế chấp
	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng	907.810,88	20.661.775.629	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn	1606-LAV-201700178	6 tháng		13.436.000.000	Thế chấp
	1606-LAV-201700178	6 tháng	855.600,00	19.473.456.000	Thế chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2017-00202-000	9 tháng		6.900.000.000	
<b>Cộng</b>				<b>273.811.171.472</b>	

(\*\*) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

+) Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2017			Phương thức đảm bảo khoản vay
			Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	21.066.530.000	24.266.570.000	Thế chấp
	LD1623100128	120 tháng	4.530.000.000	36.240.000.000	40.770.000.000	Thế chấp
	LD1623100128	60 tháng	1.740.000.000	5.220.000.000	6.960.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	LAV201500825	60 tháng	328.800.000	739.800.000	1.068.600.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.004	37.599.999.996	42.300.000.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu	CVL.DN.895.170817	44 tháng	4.772.724.000	12.329.549.000	17.102.273.000	Thế chấp
<b>Cộng</b>			<b>19.271.564.004</b>	<b>113.195.878.996</b>	<b>132.467.443.000</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

+) Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuê như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại 30/09/2017		
		Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
2015-00063-001	60 tháng	700.771.764	1.051.157.613	1.751.929.377
2015-00136-001	60 tháng	2.042.989.428	3.404.982.359	5.447.971.787
2015-00171-001	48 tháng	890.392.596	816.193.192	1.706.585.788
2015-00171-002	48 tháng	63.190.152	63.190.141	126.380.293
2015-00178-001	48 tháng	1.143.793.356	1.239.109.441	2.382.902.797
2015-00191-001	60 tháng	1.056.728.976	2.641.822.426	3.698.551.402
2017-00028-001	60 tháng	3.134.324.928	11.753.718.462	14.888.043.390
2017-00108-001	36 tháng	406.213.620	744.724.957	1.150.938.577
<b>Cộng</b>		<b>9.438.404.820</b>	<b>21.714.898.591</b>	<b>31.153.303.411</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	77.451.840.000	29.153.369.960	(10.100.000)	16.466.640.376	17.159.071.861	140.220.822.197
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thưởng	27.101.870.000			(16.466.640.376)	(10.635.229.624)	-
Lãi trong năm trước					19.354.744.995	19.354.744.995
Trích lập các quỹ					(811.419.311)	(811.419.311)
Chia cổ tức					(3.872.087.000)	(3.872.087.000)
Giảm khác					(1.298.270.898)	(1.298.270.898)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>104.553.710.000</b>	<b>29.153.369.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>-</b>	<b>19.896.810.023</b>	<b>153.593.789.983</b>





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

17. **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	104.553.710.000	29.153.369.960	(10.100.000)	-	19.896.810.023	153.593.789.983
Tăng vốn trong năm	83.252.260.000	22.907.738.000			-	106.159.998.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	76.981.310.000	22.907.738.000				99.889.048.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.270.950.000				(6.270.950.000)	-
Lãi trong năm nay					20.838.149.561	20.838.149.561
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(967.737.250)	(967.737.250)
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.935.474.500	(1.935.474.500)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2016					(6.272.616.600)	(6.272.616.600)
Giảm khác					(1.548.379.600)	(1.548.379.600)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>187.805.970.000</b>	<b>52.061.107.960</b>	<b>(10.100.000)</b>	<b>1.935.474.500</b>	<b>23.739.801.634</b>	<b>265.532.254.094</b>

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/09/2017 VND	%	01/10/2016 VND	%
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	61.238.740.000	32,61	23.343.180.000	22,33
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	18.771.130.000	9,99	17.708.620.000	16,94
Vốn góp của các đối tượng khác	107.796.100.000	57,40	63.501.910.000	60,74
<b>Cộng</b>	<b>187.805.970.000</b>	<b>100</b>	<b>104.553.710.000</b>	<b>100</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	104.553.710.000	77.451.840.000
Vốn góp tăng trong năm	83.252.260.000	27.101.870.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	187.805.970.000	104.553.710.000
Cổ tức đã chia	12.543.566.600	14.507.316.624

d) Cổ phiếu	30/09/2017	01/10/2016
	<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>18.780.597</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>18.780.597</b>	<b>10.455.371</b>
- Cổ phiếu phổ thông	18.780.597	10.455.371
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu mua lại</b>	<b>1.010</b>	<b>1.010</b>
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>18.779.587</b>	<b>10.454.361</b>
- Cổ phiếu phổ thông	18.779.587	10.454.361
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất	30/09/2017	01/10/2016
	Ngoại tệ các loại	
+ USD	111.355,56	197.259,55
+ EUR	227,63	238,55

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	865.333.233.182	628.071.615.307
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.783.208.807	40.278.050.281
<b>Cộng</b>	<b>910.116.441.989</b>	<b>668.349.665.588</b>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan  
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	53.873.492	-
Hàng bán bị trả lại	924.399.111	690.075.509
Giảm giá hàng bán	9.791.100	-
<b>Cộng</b>	<b>988.063.703</b>	<b>690.075.509</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	815.533.749.999	571.696.880.327
Giá vốn dịch vụ	12.733.735.996	26.477.801.442
<b>Cộng</b>	<b>828.267.485.995</b>	<b>598.174.681.769</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	903.336.068	2.105.930.571
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	10.000.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.107.181.868	1.212.598.388
Cổ tức được chia	1.629.440.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.639.957.936</b>	<b>3.318.528.959</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	35.645.704.516	19.464.745.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.223.875.930	1.145.586.726
<b>Cộng</b>	<b>38.869.580.446</b>	<b>20.610.332.487</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>19.435.269.881</b>	<b>10.080.006.871</b>
Chi phí nhân viên	5.314.332.854	4.470.875.775
Chi phí hoa hồng	1.061.515.117	479.096.935
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	9.322.221.919	2.254.124.824
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.737.199.991	2.875.909.337
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>14.487.160.909</b>	<b>13.207.512.111</b>
Chi phí nhân viên quản lý	6.941.759.623	6.291.317.466
Chi phí khấu hao	681.928.037	1.080.905.844
Các khoản chi phí quản lý khác	6.863.473.249	5.835.288.801

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản	-	33.636.364
Lãi từ đánh giá tài sản góp vốn	5.399.052.727	-
Thu nhập khác	249.816.910	3.694.462.001
<b>Cộng</b>	<b>5.648.869.637</b>	<b>3.728.098.365</b>

**8. Chi phí khác**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí trả nợ vay trước hạn	630.519.444	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	302.729.216	246.233.952
Chi phí khác	839.173.657	515.081.826
<b>Cộng</b>	<b>1.772.422.317</b>	<b>761.315.778</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 thuế suất 22%, từ năm 2016 thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.585.286.311	31.872.368.387
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.274.875.856	728.593.737
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.904.315.856	728.593.737
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.629.440.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	26.860.162.167	32.600.962.124
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	12.497.913.678	14.651.539.608
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	14.362.248.489	17.053.453.786
+ Lợi nhuận tính thuế 22%	-	895.968.730
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.747.136.750</b>	<b>5.805.534.820</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.838.149.561	26.066.833.567
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.041.907.478)	(2.516.116.850)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.041.907.478	2.516.116.850
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.796.242.083	23.550.716.717
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.418.908	11.081.456
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.734</b>	<b>2.125</b>
<b>11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	665.519.960.746	539.191.825.517
Chi phí nhân công	89.355.625.105	50.948.166.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.251.713.780	10.581.821.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.283.697.218	37.118.913.039
Chi phí khác bằng tiền	13.785.812.354	15.557.180.134
<b>Cộng</b>	<b>829.196.809.203</b>	<b>653.397.906.908</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.528.512.031	3.229.181.742

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Bán hàng hóa, thành phẩm	20.543.381.284
		Cho thuê tài sản	1.629.064.515
		Mua nguyên liệu	81.540.630.600
Trường Đại học Văn Hiến	Bên liên quan	Cho thuê mặt bằng	12.625.799.361
		Cung cấp dịch vụ	495.000.000
		Thanh lý bàn ghế, tủ văn phòng	12.980.000
		Cổ tức được chia	1.629.440.000

Cho đến ngày 30/09/2017, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán	(5.527.500)
		Phải thu khách hàng	621.481.483
		Phải trả khác	(4.000.000.000)
Trường Đại học Văn Hiến	Bên liên quan	Phải thu khách hàng	102.043.029

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/10/2015 đến 30/09/2016 VND
Xuất khẩu	380.592.227.112	254.160.408.007
Trong nước	528.536.151.174	413.499.182.072
<b>Cộng</b>	<b>909.128.378.286</b>	<b>667.659.590.079</b>

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>442.947.863.065</b>	<b>156.810.777.587</b>	<b>599.758.640.652</b>
Vay và nợ thuê tài chính	302.521.140.296	134.910.777.587	437.431.917.883
Phải trả cho người bán	110.816.361.065	-	110.816.361.065
Chi phí phải trả	15.249.148.499	-	15.249.148.499
Các khoản phải trả khác	14.361.213.205	21.900.000.000	36.261.213.205
<b>Số đầu năm</b>	<b>369.456.573.322</b>	<b>194.080.640.887</b>	<b>563.537.214.209</b>
Vay và nợ thuê tài chính	274.313.853.761	148.980.640.887	423.294.494.648
Phải trả cho người bán	90.764.125.874	-	90.764.125.874
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	4.378.593.687	45.100.000.000	49.478.593.687

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

347.988  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU  
PHỐ C

4-C  
Y  
CỦA  
VĂN  
Ế TO  
OÁN  
ÉT  
5 CH



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 30/09/2016 được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 cộng với Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 đã được kiểm toán.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

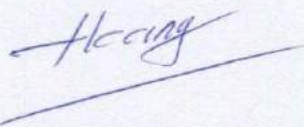
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

TP.HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2017

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2018

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU